

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



GIẢI PHÁP
TĂNG CƯỜNG HIỆU QUẢ TRONG CÔNG TÁC KIỂM TRA VÀ
CẤP LỆNH CHẠY MÁY PHỤC VỤ SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP
TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN HẬU LỘC.

Họ và tên: Lương Thị Hà
Chức vụ: Cán bộ tổ kế hoạch- Kỹ thuật
Đơn vị công tác: Chi nhánh thủy lợi Hậu Lộc-
Công ty TNHH MTV Thủy
lợi Bắc Sông Mã.

Thanh Hóa, tháng 11 năm 2023

MỤC LỤC

STT	Nội dung	Trang
I	PHẦN MỞ ĐẦU	1
1	Lý do chọn sáng kiến, giải pháp	1
2	Phạm vi áp dụng của sáng kiến, giải pháp	2
3	Mục đích của sáng kiến, giải pháp	2
II	PHẦN NỘI DUNG	2
1	Thực trạng của vấn đề sáng kiến, giải pháp cần giải quyết	3
1.1	Yếu tố chủ quan	3
1.2	Yếu tố khách quan	3
2	Giải pháp của sáng kiến	5
2.1	Giải pháp thứ nhất	5
2.2	Giải pháp thứ hai	8
3	Hiệu quả của sáng kiến, giải pháp mang lại	10
3.1	Hiệu quả kinh tế	10
3.2	Hiệu quả xã hội	10
III	KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ	13
1	Ý nghĩa của sáng kiến, giải pháp	13
2	Những kiến nghị, đề xuất	13
IV	PHỤ LỤC	14

I. PHẦN MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn sáng kiến, giải pháp.

Chi nhánh Thủy lợi Hậu Lộc thuộc Công ty TNHH một thành viên Thủy lợi Bắc Sông Mã. Hệ thống thủy lợi Hậu Lộc, nằm về phía Đông bắc tỉnh Thanh Hoá, phía Bắc giáp huyện Hà Trung, Nga Sơn (lấy sông Lèn làm ranh giới), Phía Nam và Tây giáp huyện Hoằng Hoá, Đông giáp biển Đông. Về mặt địa hình, huyện Hậu Lộc có địa hình thấp dần từ Tây Bắc xuống Đông Nam, chia ra 03 vùng địa hình: vùng đồi núi phía Tây, vùng đồng bằng giữa huyện, vùng ven biển. Trong đó:

- Vùng đồi: Nằm ở phía Tây Bắc của huyện gồm 02 xã: Triệu Lộc, Đại Lộc. Đây là vùng đồi thoải, bên dưới là đất ruộng lúa nước bằng phẳng thuận lợi cho trồng lúa, màu.

- Vùng đồng bằng giữa huyện, gồm các 11 xã: Đồng Lộc, Thành Lộc, Cầu Lộc, Tiến Lộc, Phong Lộc, Tuy Lộc, Lộc Sơn, Mỹ Lộc, Thuần Lộc, Xuân Lộc và Thị Trấn. Đây là vùng chuyên canh cây lúa của huyện, địa hình tương đối bằng phẳng, đất đai chủ yếu là phù sa thích hợp với cây lúa, cây vụ đông trên đất hai lúa và chăn nuôi.

- Vùng ven biển phía Đông, gồm 10 xã phía Đông huyện. Tạo thành hai vệt bãi cát pha hai bên bờ kênh De, địa hình này không hoàn toàn bằng phẳng và được chia thành 2 vùng rõ rệt.

- + Vùng phía tây kênh De: là đất đai của 5 xã Quang Lộc, Liên Lộc, Hoa Lộc, Phú Lộc, Hòa Lộc, nằm trên vùng đồi cát biển theo hướng Bắc Nam. Trong vùng còn có một số đồi núi thấp chạy theo hướng Đông Tây. Nông nghiệp tại đây chủ yếu cây lúa, hoa màu.

- + Vùng phía đông kênh De: là vùng đất cát của 5 xã ven biển Đa Lộc, Hưng Lộc, Ngư Lộc, Minh Lộc và Hải Lộc. Ở đây dòng sông Lèn sau khi chảy qua cửa Bắc Kênh De đổi hướng lên Đông Bắc. Diện tích vùng này thường xuyên được phù sa của sông Mã, sông Lèn được bồi đắp rất nhanh và mở rộng ra biển.

Năm 2023, Chi nhánh Thủy lợi Hậu Lộc đang phục vụ tưới, tiêu cho diện tích 16.011,48 ha, trong đó diện tích tưới tiêu nông nghiệp 12.877,81ha (lúa 9.010,06 ha; màu 2.946,84 ha, mạ 585,95 ha; NTTS 334,96 ha), diện tích tiêu khu vực nông thôn và đô thị trừ vùng nội thị 3.123,67 ha. Cơ cấu diện tích tưới chủ động 8.656,64 ha, tạo nguồn cho các HTX 4.221,17 ha.

Hiện nay nền kinh tế huyện Hậu Lộc cơ cấu sản xuất nông nghiệp vẫn là chủ đạo, trong đó ngành trồng trọt chiếm tỷ trọng cao nhất. Cùng với sự phát triển của khoa học công nghệ các giống cây, con thế hệ mới có năng suất chất

lượng cao được đưa vào thay thế giống cũ. Đi đôi với đó yêu cầu của các địa phương trong hoạt động thủy lợi phục vụ sản xuất nông nghiệp cũng có sự thay đổi đáng kể. Để góp phần thực hiện tốt vai trò của mình trong công tác phát triển kinh tế của huyện nhà, Chi nhánh Thủy lợi Hậu Lộc đã ý thức được trách nhiệm trong việc cấp nước đầy đủ cho sản xuất nông nghiệp. Tuy nhiên, hoạt động thủy lợi cần sử dụng rất nhiều điện năng vì thế nên rất cần tiết kiệm điện năng tiêu thụ. Một trong những giải pháp tiết kiệm điện đó là tăng cường công tác kiểm tra, căn cứ vào lịch gieo trồng, cơ cấu, thời gian sinh trưởng của cây trồng để xây dựng lịch cấp nước phù hợp.

Với cương vị là cán bộ kỹ thuật có trách nhiệm tham mưu cho ban lãnh đạo chi nhánh, phụ trách cụm tại CNTL Hậu Lộc, đảm nhận vai trò thống kê, tổng hợp nắm bắt tình hình sản xuất đồng thời phụ trách công tác tổng hợp, cấp lệnh chạy máy cho các cụm tổ nhận thấy trong việc kiểm tra và cấp lệnh chạy máy của chi nhánh theo quy trình cũ còn nhiều điểm bất cập dẫn đến lệnh cấp ra chưa sát với thực tế cần phục vụ gây ra hao phí điện, nước. Vì vậy tôi xin kiến nghị một số giải pháp để **“ Tăng cường hiệu quả trong công tác kiểm tra và cấp lệnh chạy máy phục vụ sản xuất nông nghiệp trên địa bàn huyện Hậu Lộc”**

2. Phạm vi áp dụng của sáng kiến, giải pháp.

Sáng kiến áp dụng trực tiếp cho hệ thống tưới, tiêu thủy lợi Hậu Lộc và có thể áp dụng cho các chi nhánh cơ sở, các đơn vị thủy lợi có cùng tính chất tương đồng về mặt địa hình, chức năng phục vụ nhằm đưa ra một số giải pháp trong việc chỉ đạo điều hành tưới, tiêu đạt hiệu quả cao, cấp lệnh chạy máy sát với thực tế nhu cầu của các địa phương, giai đoạn phát triển của cây trồng, phù hợp với các loại cây trồng, loại đất khác nhau.

3. Mục đích của sáng kiến, giải pháp

Mục đích của sáng kiến giải pháp “ Tăng cường hiệu quả trong công tác kiểm tra và cấp lệnh chạy máy phục vụ sản xuất nông nghiệp trên địa bàn huyện Hậu Lộc” nhằm đem lại hiệu quả trong việc tiết kiệm, giảm chi phí tiền điện thực hiện tốt phong trào thi đua trọng tâm mà công ty đã phát động “ Tưới, tiêu khoa học, tiết kiệm điện năng”.

II. PHẦN NỘI DUNG

Điểm mới của sáng kiến đó là phân tích chi tiết, cụ thể nguyên nhân , đưa giải pháp đến từng đối tượng trong hoạt động thủy lợi tại Chi nhánh, nghiên cứu vận dụng các quy chuẩn Việt Nam về việc tưới, tiêu cho cây trồng lương thực và thực phẩm để phù hợp với đồng đất, loại cây trồng tại địa bàn Hậu Lộc từ đó có phương hướng chỉ đạo điều hành sát sao, quyết liệt hơn, tiết kiệm điện năng, tiết kiệm nước trong phục vụ sản xuất nông nghiệp.

1. Thực trạng của vấn đề sáng kiến, giải pháp cần giải quyết.

Trong những năm gần đây do quá trình đô thị hoá cùng với việc xây dựng các khu công nghiệp vì vậy diện tích sản xuất nông nghiệp trên địa bàn huyện liên tục bị thu hẹp. Đồng thời trong 10 năm gần đây do cơ chế chuyển đổi từ thuỷ lợi phí sang giá sản phẩm dịch vụ thuỷ lợi nên việc chi trả kinh phí cấp cho công tác thuỷ lợi không thay đổi dẫn đến doanh thu bị sụt giảm. Để đảm bảo hoạt động của Chi nhánh việc tăng cường tiết kiệm từ chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí cho các hoạt động tưới tiêu là vô cùng cần thiết. Trong đó việc tiết kiệm điện năng được đặt lên hàng đầu, từ khâu đầu tiên đó là quản lý chặt chẽ việc cấp số lệnh chạy máy, số giờ bơm cụ thể từng giờ K1, K2, K3.

Trong công tác kiểm tra và cấp lệnh chạy máy cho các trạm bơm trong địa bàn chi nhánh theo quy trình cũ còn một số bất cập có các yếu tố chủ quan, có yếu tố khách quan.

1.1 Yếu tố chủ quan

Thứ nhất, Chi nhánh chưa quyết liệt kiểm tra việc xin và cấp lệnh chạy máy của các cụm tổ. Để tình trạng lệnh chạy máy cấp ra tỉ lệ K3 thấp, K2 còn tương đối cao, thời gian cấp lệnh chạy máy dài ngày, các đợt chạy máy cách nhau quá ngắn. Các tổ chuyên môn chưa sâu sát trong công tác tham mưu, giám sát cũng như kiểm tra đối với việc cấp lệnh, tổ chức thực hiện lệnh chạy máy tại cụm tổ.

Thứ hai, cụm tổ chưa thực hiện nghiêm túc việc kiểm tra, báo cáo tiến độ hàng ngày, chưa sát sao phối hợp cùng công nhân và các địa phương trong việc điều hành tưới tiêu, quản lý điện nước.

Thứ ba, công nhân chưa sâu sát địa bàn cá biệt một số còn chưa nắm rõ được cơ cấu tưới chủ động, tạo nguồn của địa bàn mà mình quản lý từ đó dẫn đến việc xác định diện tích cần tưới tiêu chưa phù hợp. Việc kiểm tra đồng ruộng hàng ngày còn chưa chặt chẽ dẫn đến tình trạng báo cáo toạ độ, không chính xác. Đồng thời công tác phối hợp với các HTX nông nghiệp để có các giải pháp giữ nước mặt ruộng còn hạn chế.

Thứ tư, chưa có quy trình cụ thể thống nhất để xác định lượng nước phù hợp với từng loại cây trồng trên các loại đất khác nhau trong từng thời kỳ phát triển nên việc cấp lệnh chạy máy chỉ dựa vào cảm tính hoặc dựa vào đề xuất của đơn vị dùng nước dẫn đến bị động gây thất thoát nước, lãng phí điện năng.

1.2 Yếu tố khách quan

Thứ nhất, hệ thống kênh mương nội đồng, liên xã chưa có sự quan tâm, đầu tư nâng cấp đúng mức của các cấp chính quyền đã bị xuống cấp trầm trọng dẫn đến việc dẫn nước tưới tiêu không hiệu quả.

Thứ hai, việc triển khai thực hiện thuỷ lợi nội đồng, liên xã của các địa phương trong huyện còn hời hợt, hiệu quả chưa cao, điển hình như sông Trà Giang UBND tỉnh và UBND huyện trong các năm qua đã có nhiều công văn giao khối lượng thực hiện thuỷ lợi cho UBND các xã có liên quan nhưng đa phần các xã không thực hiện để tình trạng bèo mảng ách tắc cản trở dòng chảy, ô nhiễm môi trường, hạn chế khả năng tích trữ nước gây khó khăn trong công tác phục vụ sản xuất trên địa bàn huyện

Thứ ba, các địa phương chưa có sự thống nhất, tập trung trong sản xuất nông nghiệp, điển hình một số xã không quy hoạch được vùng gieo mạ tập trung để nhân dân gieo đầu thửa nhỏ lẻ, dẫn đến khi chỉ cần phục vụ một số diện tích rất nhỏ thì bắt buộc phải tưới tràn toàn bộ diện tích gây lãng phí điện nước.

Thứ tư, việc chuyển dịch cơ cấu nền kinh tế từ nông nghiệp sang công nghiệp dịch vụ vì vậy người dân không còn mặn mà với sản xuất nông nghiệp ít quan tâm đến ruộng đồng dẫn đến tình trạng bỏ ruộng nhiều năm. Khi cần cải tạo phát triển lại thì cần phải dùng một lượng nước rất nhiều.

Thứ năm, tình hình bất khả kháng do thiên tai: bão, lũ, hạn hán, áp thấp nhiệt đới, bất thường của thời tiết do biến đổi khí hậu gây ra.



Bèo cỏ, bè mảng rau muống ách tắc nhiều năm tại địa phận xã Mỹ Lộc.



Kênh tưới nội đồng xã Lộc Sơn không thường xuyên tổ chức làm thủy lợi giảm khả năng dẫn nước, trữ nước.

2. Giải pháp của sáng kiến.

2.1 Giải pháp thứ nhất: Đổi mới phương pháp chỉ đạo, điều hành tưới tiêu tại Chi nhánh. Tăng cường phối hợp thực hiện công tác làm thủy lợi cùng các cấp chính quyền trên địa bàn huyện Hậu Lộc.

2.1.1 Đối với Chi nhánh thủy lợi Hậu Lộc

- Chấp hành nghiêm túc sự chỉ đạo điều hành từ Công ty xuống đơn vị. Đồng thời quyết liệt, sát sao trong việc chỉ đạo điều hành tưới tiêu xuống cụm tổ, nêu cao trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ tiết kiệm điện năng không chỉ là nhiệm vụ chung của tập thể mà còn gắn với mỗi CBCNV trong chi nhánh.

- Tăng cường phối hợp tốt với UBND huyện, phòng nông nghiệp các xã, thị trấn để nắm chắc lịch gieo trồng hằng năm, cơ cấu giống cây trồng, thời gian, chu kỳ sinh trưởng từ đó tính toán xây dựng kế hoạch cấp nước hợp lý, thời gian bơm nước phù hợp.

- Chủ động tham mưu cho UBND huyện chỉ đạo các UBND xã, thị trấn tổ chức ra quân nạo vét, khơi thông dòng chảy, phá bỏ ách tắc, bè mảng trên hệ thống kênh tưới tiêu nội đồng, liên xã.

- Phân cấp trong việc quản lý công trình thủy lợi để đạt được sự nhất quán trong chỉ đạo, thực hiện phục vụ sản xuất nông nghiệp trên địa bàn huyện.

- Các tổ chuyên môn giao nhiệm vụ cho cán bộ thường trực phối hợp cùng các cụm tổ sát sao trong công tác đôn đốc, kiểm tra trong mỗi đợt tưới, đảm bảo tưới đúng, tưới đủ không lãng phí. Thường xuyên cử cán bộ phụ trách địa bàn tham gia kiểm tra, giám sát cụm tổ trong việc thực hiện chốt giữ nước, địa phương có người dẫn nước hay không, kênh dẫn có đảm bảo yêu cầu cho việc cấp nước đến đồng ruộng hay chưa để kịp thời báo cáo đến lãnh đạo chi nhánh trong việc điều hành tưới tiêu.

Khi cấp lệnh chạy máy cần tính toán theo quy trình cụ thể phân rõ nhu cầu, loại cây trồng, loại đất đồng thời phải tính tổng số giờ bơm cụ thể chia tỷ lệ từng ca, tận dụng tối đa giờ bơm K3(tăng tỉ lệ bơm K3 ít nhất đạt từ 45% trở lên trong mỗi đợt bơm tưới) và ngày chủ nhật, đối với các trạm bơm nội đồng không phụ thuộc nguồn nước hạn chế tối đa vận hành giờ K2, các trạm bơm dọc sông Lèn phụ thuộc thủy triều thì theo dõi sát lịch con nước, bố trí lực lượng trực 24/24 để chủ động tranh thủ mở cống lấy nước, hạn chế thời gian phải vận hành máy bơm.

- Thường xuyên theo dõi tình hình diễn biến thời tiết, thời gian hình thành, hoạt động các cơn bão và áp thấp nhiệt đới, các đợt mưa, lượng mưa trên địa bàn, để ra lệnh vận hành các trạm bơm, cống : tưới, tiêu và tưới tiêu kết hợp, sát với thực tế đạt hiệu quả tránh bơm thừa dẫn đến phải tiêu úng hoặc không tiêu nước quá nhiều dẫn đến phải bơm tưới bổ sung.

- Quan tâm đến việc duy tu, bảo dưỡng công trình, sửa chữa, thay thế, phụ tùng máy móc, thiết bị vật tư hư hỏng, trình công ty kế hoạch đầu tư nâng công suất máy bơm, nhằm giảm thời gian bơm phục vụ tưới, tiêu trên cùng một đơn vị diện tích.

- Đưa nội dung tiết kiệm điện vào tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ và thi đua khen thưởng hàng năm. Khuyến khích CBCNV lao động áp dụng các sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, cách làm hay, hiệu quả vào phục vụ sản xuất của chi nhánh.

2.1.2 Đối với cụm tổ, công nhân quản lý địa bàn

- Chủ động phối hợp với các xã, thị trấn nắm bắt lịch thời vụ của đơn vị mình phụ trách từ đó xây dựng lịch xin bơm tưới phù hợp.

- Thực hiện chế độ thông tin báo cáo đầy đủ, chính xác và kịp thời.

- Nắm rõ diện tích, cơ cấu tưới chủ động, tạo nguồn của địa bàn đang quản lý từ đó xác định cụ thể được diện tích cần phục vụ.

- Bám sát đồng ruộng, phối hợp với các HTX để dẫn nước, đóng mở các cống điều tiết, cống chân rết dọc kênh, chốt giữ nước tránh tình trạng thất thoát nước gây lãng phí.

Khi điều kiện kênh mương, cống chốt nước của địa phương chưa đảm bảo thông báo dừng bơm, không cấp lệnh chạy máy cho đến khi các yêu cầu kỹ thuật được đáp ứng đầy đủ.

- Thường xuyên quan trắc, kiểm tra, đánh giá hiện trạng hư hỏng các công trình phục vụ tưới, tiêu trên địa bàn để báo cáo chi nhánh lập kế hoạch sửa chữa, xử lý kịp thời đảm bảo an toàn công trình, không để tình trạng khi vận hành bơm cấp nước tưới, tiêu bị ách tắc, vỡ kênh ảnh hưởng đến nhiệm vụ của công trình, kéo dài thời gian phục vụ gây lãng phí.



Công nhân vận hành cụm tổ trạm bơm Châu Lộc bảo dưỡng máy móc thiết bị

2.1.3 Đối với các đơn vị dùng nước, các HTX, UBND xã, thị trấn.

- Chủ động phối hợp với Chi nhánh thủy lợi Hậu Lộc trong công tác ra quân làm thủy lợi, huy động lực lượng nhân dân hằng năm làm thủy lợi nội đồng, liên xã đảm bảo theo kế hoạch giao. Tuyên truyền đến với người dân về vai trò cũng như tầm quan trọng của thủy lợi đối với nông nghiệp; kiểm tra giải toả các ách tắc trên kênh mương tại địa bàn, không cho người dân xả thải xuống dưới lòng kênh mương gây cản trở, ô nhiễm dòng chảy.

- Quan tâm đến việc tu bổ, làm mới lại hệ thống kênh mương tưới tiêu đã xuống cấp trên địa bàn nhằm đem lại hiệu suất tối đa trong việc dẫn nước.

- Mỗi đợt bơm tưới cần có bảo nông hoặc cử người cùng phối hợp với cán bộ thủy lợi để thực hiện công tác chốt công nỏ, dẫn nước, giữ nước đến đồng ruộng kịp thời.

- Các địa phương lập quy hoạch vùng canh tác tập trung, hiệu quả, thực hiện chính sách dồn điền đổi thửa, chuyển đổi cơ cấu nông nghiệp từ cây, con có hiệu quả kinh tế thấp sang cây, con có hiệu quả kinh tế cao.



Xã Phong Lộc chủ động thực hiện giải toả ách tắc tại kênh 10 xã

2.2 Giải pháp thứ hai: Xây dựng quy trình cụ thể xác định lượng nước phù hợp với từng loại cây trồng trên các loại đất khác nhau trong thời kỳ phát triển để có lịch bơm tưới chính xác nhất.

Áp dụng theo TCVN 8641: 2011 về Kỹ thuật tưới tiêu nước cho cây lương thực và cây thực phẩm

2.2.1 Xác định loại đất mà các trạm bơm đang phục vụ tại địa bàn huyện Hậu Lộc (Chi tiết xem tại Phụ lục 1)

2.2.2 Xác định loại hình tưới cho từng khu vực tại địa bàn huyện Hậu Lộc.

Theo tiêu chuẩn Việt Nam 8641:2011 một số loại hình tưới phổ biến như sau:

- Tưới rãnh : Kỹ thuật tưới ở ruộng trồng khô. Nước tưới được đưa vào các rãnh giữa các luống cây để ngấm dần vào đất theo chiều ngang dưới tác dụng của lực mao quản biến thành nước trong đất để nuôi cây.

- Tưới ngập: Kỹ thuật tưới đảm bảo duy trì trên mặt ruộng một lớp nước đồng đều phù hợp với yêu cầu sinh trưởng và phát triển của cây trồng. Lớp nước trên mặt ruộng sẽ được ngấm xuống đất nhờ trọng lực.

- Tưới dải: Còn gọi là tưới tràn, là kỹ thuật đưa nước từ từ vào ruộng với lưu lượng nhỏ. Trong quá trình tưới tốc độ nước chảy trên dải đất và tốc độ nước ngấm xuống đất gần bằng nhau nên sau khi ngừng tưới lượng nước ngấm xuống đất cũng vừa đạt mức tưới yêu cầu.

Trong chi nhánh thuỷ lợi Hậu Lộc được áp dụng như sau:

Đối với vùng các xã Đại Lộc, Đồng Lộc, Thành Lộc, Cầu Lộc do hệ thống kênh mương nội đồng liên xã lâu năm không được đầu tư nâng cấp xuống cấp trầm trọng, việc làm thuỷ lợi không được đầu tư, cùng với thói quen không gieo cấy tập trung vì vậy chủ yếu sử dụng phương pháp tưới dải (hay còn gọi là tưới tràn).

Đối với các xã vùng đất thịt như Mỹ Lộc , Lộc Sơn, Thuận Lộc, Thị Trấn, Xuân Lộc, Tiến Lộc, Triệu Lộc, Phong Lộc, Quang Lộc, Hoa Lộc, Phú Lộc, Tuy Lộc chủ yếu dùng phương pháp tưới ngập.

Đối với các xã đất cát, bãi cao như Hoà Lộc, Liên Lộc, một phần xã Phú Lộc, một phần xã Hoa Lộc, một phần Triệu Lộc, một phần Thuận Lộc, Minh Lộc, Hưng Lộc, Hải Lộc, Đa Lộc chủ yếu kết hợp cả phương pháp tưới rãnh và tưới ngập. (Chi tiết xem tại phụ lục 2)

2.2.3 Xác định độ ẩm của đất bằng trực giác để cụm tổ, công nhân địa bàn có sự đánh giá sơ bộ tình hình cần cấp nước tại các địa phương (Chi tiết xem tại phụ lục 3)

2.2.4. Nghiên cứu áp dụng tiêu chuẩn Việt Nam 8641: 2011 về Kỹ thuật tưới tiêu nước cho cây lương thực và cây thực phẩm để áp dụng cho đồng đất, loại cây trồng lúa, màu trong từng thời kỳ sinh trưởng tại địa bàn huyện Hậu Lộc.

Trong TCVN 8641:2011 đã nêu rất rõ về quy chuẩn tưới cho cây lương thực và thực phẩm trong từng giai đoạn thời kỳ và đồng đất , Chi nhánh thuỷ lợi Hậu Lộc đã nghiên cứu và áp dụng vào việc tính toán lượng nước mặt ruộng phù hợp để cấp lệnh trong các đợt bơm tưới, đồng thời giữa các đợt bơm tưới có sự điều chỉnh để sát với thời gian theo quy chuẩn nhằm tránh sự lãng phí, tránh tình trạng cấp nước theo yêu cầu của địa phương mà có cơ sở khoa học để dẫn chứng khi thực hiện. Với những trường hợp đặc biệt Chi nhánh cũng đã có sự điều

chính vận dụng phù hợp trong công tác chỉ đạo điều hành để đảm bảo hiệu quả trong công tác tưới tiêu.

3. Hiệu quả của sáng kiến, giải pháp mang lại.

3.1 Hiệu quả kinh tế:

Có thể thấy rằng bằng việc đưa ra các giải pháp để “**Tăng cường hiệu quả trong công tác kiểm tra và cấp lệnh chạy máy phục vụ sản xuất nông nghiệp trên địa bàn huyện Hậu Lộc**” từ năm 2021 trở lại đây đã góp phần trong việc:

- Giảm định mức điện năng: Điện năng phục vụ tưới tiêu cho 1 ha từ 97kWh/ha xuống chỉ còn 69 kWh/ha (giảm 29%).
- Tăng tỷ lệ giờ chạy máy K3 lên đáng kể từ 34,4 % lên 50,9 % (tăng 16,5%). Tỷ lệ giờ K2 giảm từ 4,3% xuống còn 1,2% (giảm 3,1%).
- Tiền điện giảm dần theo các năm , năm 2018 từ hơn 2.170 triệu đồng đến năm 2023 giảm còn hơn 1.470 triệu đồng tiết kiệm 700 triệu (dự kiến 3 tháng cuối năm 2023 biến động tiền điện không đáng kể do chỉ phục vụ gần 1.000 ha vụ Đông)

(Chi tiết xem tại phụ lục 4,5,6)

** Số liệu tổng hợp lấy từ báo cáo tổng kết chuyên môn các năm của CNTL Hậu Lộc. Năm 2020 xảy ra hạn hán nắng nóng kéo dài, hơn 70 ngày không mưa trên địa bàn chi nhánh vào đúng thời vụ chăm bón của lúa màu, mặt dâng cao không lấy được nước qua cống Lộc Động, đò Trang Giang bằng TB Đại Lộc và TB Châu Lộc dẫn đến điện năng chống hạn cao nên không so sánh mốc năm 2020.*

3.2 Hiệu quả xã hội:

- UBND huyện, phòng nông nghiệp chủ động trong việc chỉ đạo điều hành UBND các xã, thị trấn tích cực giải toả ách tắc, vi phạm hành lang công trình thủy lợi, làm thủy lợi nội đồng liên xã.



UBND huyện Hậu Lộc ban hành kế hoạch số 179/KH-UBND ngày 25/8/2022 về việc giải tỏa vi phạm hành lang đê điều, kênh mương trên địa bàn, kế hoạch số 206/KH-UBND ngày 11/10/2022 về việc phát động ngày ra quân đồng loạt giải tỏa vi phạm trong hành lang bảo vệ đê điều, thủy lợi năm 2022. Ngày 16/10/2022 trên địa bàn huyện Hậu Lộc đã tổ chức ra quân đồng loạt với tổng số hơn 5.000 người trong đó gồm đông đảo các cán bộ đảng viên, các đoàn thể, nhân dân trong 23 xã, thị trấn cùng với 110 cán bộ CNV CNTL Hậu Lộc, cùng với đó là cờ Tổ quốc, băng rôn, khẩu hiệu cổ động, loa đài tuyên truyền mục đích ý nghĩa và kế hoạch thực hiện công tác giải tỏa vi phạm hành lang các công trình thủy lợi. Các địa phương đã tiến hành phát quang cây cối, thu gom bèo cỏ, đống rác, rác thải, nạo vét bùn đất trong hành lang các công trình thủy lợi tạo không gian thông thoáng góp phần nâng cao khả năng tưới tiêu phục vụ sản xuất, phòng chống thiên tai.

Việc phối hợp thực hiện làm thủy lợi giữa các cấp chính quyền trong địa bàn huyện và CNTL Hậu Lộc đã tạo không khí phấn khởi, đáp ứng được nhu cầu của nhân dân trong toàn huyện, Tại các cuộc họp tiếp xúc cử tri nhân dân đều đánh giá cao vai trò, trách nhiệm, kết quả đã đạt được trong công tác phục vụ sản xuất nông nghiệp do Chi nhánh thủy lợi Hậu Lộc phụ trách.



Hình ảnh Kênh Tân Cầu, Sông Trà Giang sau khi dọn sạch bèo cỏ

- Hệ thống kênh mương nội đồng, liên xã trong 3 năm gần đây (từ 2021-2023) đã được các cấp chính quyền quan tâm, đầu tư cải tạo nâng cấp, làm mới tạo thuận lợi cho công tác phục vụ thủy lợi trên địa bàn huyện.



Một số kênh hệ thống kênh hộp được đầu tư mới như kênh 19-5 (xã Cầu Lộc), kênh Linh Long (Lộc Sơn), hệ thống kênh tưới nội đồng xã Mỹ Lộc, Phú Lộc,...

III. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ.

1. Ý nghĩa của sáng kiến, giải pháp

Trong sáng kiến bản thân tôi đã đưa ra giải pháp” Tăng cường hiệu quả trong công tác kiểm tra và cấp lệnh chạy máy phục vụ sản xuất nông nghiệp trên địa bàn huyện Hậu Lộc” đã và đang được áp dụng tại Chi nhánh thủy lợi Hậu Lộc.

2. Những kiến nghị, đề xuất.

Đề nghị ban lãnh đạo công ty quan tâm, xem xét áp dụng những giải pháp trong sáng kiến tôi đã nêu ở trên cho các đơn vị cơ sở để đạt mục đích là tiết kiệm điện năng tiêu thụ trong phục vụ sản xuất, giảm chi phí tiền điện, tăng cường mối liên kết, hợp tác giữa chi nhánh thủy lợi và chính quyền địa phương các cấp trong hoạt động thủy lợi.

Kính mong được sự góp ý chân thành của Hội đồng khoa học Công ty để bản thân có thêm kinh nghiệm và hoàn thiện hơn.

Tôi xin chân thành cảm ơn./.

Thanh Hóa, ngày 09 tháng 11 năm 2023

Xác nhận của Thủ trưởng đơn vị

Người thực hiện



GIÁM ĐỐC
KS: Nguyễn Thành Chính

Lương Thị Hà

PHỤ LỤC

Phụ lục 1: Xác định loại đất các trạm bơm đang phục vụ.

STT	Loại đất	Tên trạm bơm	Diện tích (ha)
1	Vùng bãi cao, đất cát	Liên Lộc 1, Liên Lộc 2, Thôn Hậu, Truyền 2, Hoà Lộc 1, Hoà Lộc 2, Hoà Lộc 3, Thuần Lộc , Châu Tử, Cồn Phủ.	4.433,73
2	Vùng đất thịt	Thiều Xá, Châu Lộc, Đại Lộc, Thịnh Lộc, Lộc Tân, Mỹ Lộc, Tam Liên, Văn Lộc 1, Văn Lộc 2, Phong Lộc, Quang Lộc, Yên Hoà, Tuy Lộc, vô ống Lộc Động, vô ống cống bệnh viện.	8.454,08

Phụ lục 2: Xác định loại hình tưới cho đồng ruộng tại các xã, thị trấn

STT	Xã, thị trấn	Loại hình tưới chính
1	Đại Lộc, Đồng Lộc, Thành Lộc, Cầu Lộc	Tưới dải (tưới tràn)
2	Lộc Sơn, Mỹ Lộc, Thuần Lộc, Thị Trấn, Xuân Lộc, Tiến Lộc, Triệu Lộc, Phong Lộc, Quang Lộc, một phần xã Hoa Lộc, một phần Phú Lộc, Tuy Lộc .	Tưới ngập
3	Hoà Lộc, Liên Lộc, một phần xã Phú Lộc, một phần xã Hoa Lộc, một phần xã Thuần Lộc, một phần xã Triệu Lộc, Minh Lộc, Hưng Lộc, Hải Lộc, Đa Lộc.	Kết hợp tưới rãnh và tưới ngập

Phụ lục 3: Xác định độ ẩm theo loại đất, loại ruộng bằng trực quan.

Loại đất	Loại ruộng	Độ ẩm của đất % độ ẩm tối đa đồng ruộng				Địa bàn các xã
		Từ 50 đến 60	Từ 70 đến 75	Từ 80 đến 85	Từ 90 đến 95	
Đất cát pha	Ruộng màu	Đất không vo thành viên được.	Đất không vo thành viên được, sờ thấy đất ẩm.	Đất sờ thấy ướt, giấy thấm bị ẩm dần	Khi ấn tay xuống đất thấy có nước trên mặt đất.	Liên Lộc, Hoa Lộc, Phú Lộc, Quang Lộc, Hưng Lộc, Minh Lộc, Hải Lộc, Đa Lộc
	Ruộng lúa	Mặt ruộng nứt nẻ, dễ nghiêng bàn chân lợt.	Mặt ruộng nứt nẻ, dễ nghiêng bàn chân lợt.	Mặt ruộng có giun đùn.	Mặt ruộng nhão.	
Đất thịt nhẹ và trung bình	Ruộng màu	Đất không vo thành viên được.	Đất không vo thành viên được, ấn bị vỡ.	Đất vo thành viên, ấn bị biến dạng.	Đất se thành sợi không đứt	Đại Lộc, Thành Lộc, Cầu Lộc, Đồng Lộc, Triệu Lộc, Thị Trấn, Mỹ Lộc, Lộc Sơn, Tiến Lộc, Xuân Lộc, Thuần Lộc, Tuy Lộc, Phong Lộc, Quang Lộc, Hoa Lộc, Phú Lộc
	Ruộng lúa	Mặt ruộng nứt nẻ, dễ nghiêng bàn chân lợt.	Mặt ruộng nứt chân chim.	Mặt ruộng có giun đùn.	Mặt ruộng nhão.	
Đất thịt nặng	Ruộng màu	Đất không vo thành viên được; ấn bị vỡ.	Đất không vo thành viên được, ấn bị vỡ.	Đất vo thành viên, ấn bị biến dạng.	Đất se thành sợi không vỡ, uốn cong vòng tròn không đứt.	
	Ruộng lúa	Mặt ruộng nứt nẻ, dễ nghiêng bàn chân lợt.	Mặt ruộng nứt chân chim.	Mặt ruộng có giun đùn.	Mặt ruộng nhão.	

Phụ lục 4: Bảng hệ số sử dụng điện năng trước khi áp dụng sáng kiến

Năm thực hiện		Tổng điện năng(kWh)				Diện tích phục vụ (ha)	E thực tế (kWh/ha)	Tiền điện (đồng)
		K1	K2	K3	Tổng			
2018	kWh	853.380	43.763	470.453	1.367.596	14.074,79	97	2.168.538.271
	Tỷ lệ (%)	62,4	3,2	34,4				
2019	kWh	786.436	31.257	432.602	1.250.296	14.014,11	89	2.037.270.516
	Tỷ lệ (%)	62,9	2,5	34,6				
2020	kWh	1.041.449	71.423	548.131	1.661.003	13.951,03	119	2.771.213.134
	Tỷ lệ (%)	62,7	4,3	33,0				

Phụ lục 5: Bảng hệ số sử dụng điện năng sau khi áp dụng sáng kiến

Năm thực hiện		Tổng điện năng(kWh)				Diện tích phục vụ (ha)	E thực tế (kWh/ha)	Tiền điện (đồng)
		K1	K2	K3	Tổng			
2021	kWh	588.463	19.964	342.240	950.667	12.972,82	73	1.586.734.890
	Tỷ lệ (%)	61,9	2,1	36,0				
2022	kWh	498.459	15.313	396.272	910.206	13.107,08	69	1.471.277.540
	Tỷ lệ (%)	54,8	1,7	43,5				
9 tháng năm 2023	kWh	439.399	40.606	467.559	917.808	12.877,81		1.468.697.962
	Tỷ lệ (%)	47,9	1,2	50,9				

Phụ lục 6: So sánh các hệ số, định mức trước và sau khi áp dụng sáng kiến

Chỉ số so sánh	Trước khi áp dụng sáng kiến	Sau khi áp dụng sáng kiến	Chênh lệch
Định mức điện năng để phục vụ cho 1ha	97kWh	69kWh	28kWh (tương đương giảm 29%)
Tỷ lệ giờ chạy máy K3	34,4%	50,9%	16,5%
Tỷ lệ giờ chạy máy K2	4,3%	1,2%	3,1%
Tiền điện	2.168.538.271 đồng (năm 2018)	1.470.000.000 đồng (dự kiến năm 2023)	698.538.271 đồng